TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST
Ngày: 02-3-2022
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền.
Ông Đoàn Minh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Đ, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Huỳnh Văn T, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Đ và ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Vào ngày 21/3/2018 âm lịch ông T có mua vật liệu xây dựng của bà với số tiền 17.886.000 đồng, do ông T mua thiếu bà nên bà tính lãi 2%/tháng, trả dần cho đến khi hết nợ. Sau đó, đến ngày 15/10/2018 âm lịch ông T có trả cho bà được 3.000.000 đồng lãi, còn tiền vốn chưa trả khoản nào cả.

Số tiền 17.886.000 đồng có dấu sửa vì ban đầu ông T trả số tiền 3.000.000 đồng trừ vào tiền vốn nên sửa lại số tiền là 14.886.000 đồng nhưng ông T không

trả tiền đúng hẹn nên bà đã sửa lại còn nợ 17.886.000 đồng vốn và trả 3.000.000 đồng lãi và ông T có ký tên xác nhận.

Ngày 10/4/1999 ông T có vay của bà số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, ông T có viết biên nhận cho bà. Sau khi vay tiền, ông T có trả lãi được 200.000 đồng. Trong năm 1999 ông T còn mua của bà hai mặt bàn đá đi đám tân gia giá 579.000 đồng đến nay chưa trả tiền.

Nay bà yêu cầu ông T trả lại tiền vốn số tiền vay 2.000.000 đồng và tiền hai mặt bàn 579.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 17.886.000 đồng, bà yêu cầu ông T trả vốn 17.886.000 đồng và lãi suất 1,67% tháng từ ngày 15/10/2018 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử. Yêu cầu trả tiền một lần khi án có hiêu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Đối với số tiền vay 2.000.000 đồng ông vay ngày 10/4/1999 của bà Đ ông đã trả tiền cho bà Đ cả vốn và lãi sau đó 01 năm nhưng không lấy giấy nợ về.

Hai mặt bàn đá đi đám ông mua của bà Đ đã lâu giá mặt bàn tròn 50.000.000 đồng, mặt bàn dài 80.000 đồng. Ông đã trả cho bà Đ một trăm mấy chục ngàn và có mua thêm gì nữa mà không nhớ nhưng chỉ nhớ còn nợ bà Đ 150.000 đồng.

Vào năm 2018 ông có mua vật liệu xây dựng của bà Đ số tiền 12.886.000 đồng, sau đó ông có trả cho bà Đ 3.000.000 đồng, còn nợ lại 9.886.000 đồng. Nay ông chỉ còn nợ bà Đ số tiền 9.886.000 đồng và 150.000 đồng tiền mặt bàn, ông xin không trả lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn T trả số tiền vay 2.000.000 đồng và tiền mua bán 18.465.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp đòi tài sản" theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu: Tại phiên tòa bà Đ xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền 579.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 17.886.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Đ rút một phần yêu cầu khởi

kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1 Bà Đ yêu cầu ông T trả cho bà Đ số tiền vay 2.000.000 đồng, tiền mua vật liệu xây dựng 17.886.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Đ đã cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ ngày 10.4.1999 do ông T viết và ký tên và biên nhận nợ ngày 21/3/2018 âm lịch do ông T ký tên, ông T có trả lãi cho bà Đ số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 15/10/2018 âm lịch thì ngưng không trả khoản tiền nào. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện bà Đ ghi ngày 17/11/2021 nộp tại bưu điện ngày 20/11/2021 (ngày 16/10/2021 âm lịch) đã quá 03 năm hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.2] Tại phiên tòa bà Đ và ông T thống nhất ông T còn nợ bà Đ số tiền vay 2.000.000 đồng và tiền mua vật liệu xây dựng 17.886.000 đồng, tổng cộng là 19.886.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông T còn nợ bà Đ số tiền 19.886.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc ông T trả cho bà Đ số tiền 19.886.000 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu tính lãi.

[3.4] Về thời gian trả tiền: Xét yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết số tiền 19.886.000 đồng của ông T không được phía bà Đ đồng ý và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và nợ tiền của bà Đ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T trả cho bà Đ số tiền 19.886.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 429, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Đ và yêu cầu khởi kiện số tiền 579.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền 19.886.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh Văn T không trả số tiền trên thì hàng tháng ông T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 994.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân